TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/DS-ST
Ngày 17/3/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Tím
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Đình Bông, ông Hồ Quang Hiển
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nông Thị Hường, cán bộ TAND huyện Krông Nô.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thùy Dung, chức vụ Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2022/TLST-DS, ngày 18/10/2022, về việc "Kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-DS, ngày 02/02/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2023/QĐST-DS, ngày 21/02/2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng S Việt Nam**

Địa chỉ: Số 169, phố Đ, phường L, quận M, Tp. Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông **Dương Quyết Th**, c/v: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đào Thái H**, C/v: Giám đốc Ngân hàng S phòng giao dịch huyện Krông Nô.

Người được ủy quyền lại: Ông Đinh Văn D, C/v: Phó giám đốc Ngân hàng S phòng giao dịch huyện Krông Nô – Có mặt

Bị đơn: Chị Trịnh Thị M, sinh năm 1984 – Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Khắc Dương L - Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2022 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 18/10/2022), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn – ông Đinh Văn D trình bày:

Ngày 06/12/2018 Ngân hàng S Việt Nam - PGD Krông Nô ký kết hợp đồng tín dụng số 660000071462971 với hộ chị Trịnh Thị M, theo đó Ngân hàng cho hộ gia đình chị M (Người thừa kế quyền, nghĩa vụ là anh Lê Khắc Dương L) vay số tiền gốc là 20.000.000 đồng, theo chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường; thời hạn vay 59 tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng/ lần với số tiền là 2.000.000 đồng, lãi suất là 9%/ năm, lãi suất nợ quá hạn là 130%, thời hạn trả nợ cuối cùng: Ngày 06/11/2023.

Trong quá trình vay hộ chị Trịnh Thị M chỉ thanh toán được số tiền lãi là 4.235.934 đồng, số tiền lãi phát sinh chưa thanh toán là 2.367.000 đồng (tạm tính đến ngày 15/8/2022) và không thanh toán được khoản tiền gốc nào. Do chị M, anh L không thanh toán được nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu gia đình chị M thanh toán tuy nhiên gia đình chị M không thực hiện nghĩa vụ của mình. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ gốc đến hạn sang nợ quá hạn, tính mức lãi suất quá hạn là 130% lãi suất cho vay.

Tại phiên tòa, Ngân hàng S Việt Nam yêu cầu Tòa án buộc chị Trịnh Thị M, anh Lê Khắc Dương L phải có nghĩa vụ liên đới để thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 23.467.080 đồng, cụ thể:

Số tiền nợ gốc là: 20.000.000 đồng;

Số tiền lãi trong hạn từ ngày: 06/12/2028 đến ngày 17/3/2023: 20.000.000 đồng x 9%/năm x 1.562 ngày = 7.703.014 đồng. Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán là: 7.703.014 đồng – 4.235.934 đồng = 3.467.080 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho chị Trịnh Thị M, anh Lê Khắc Dương L, tuy nhiên chị M, anh L vắng mặt tại địa phương, tại phiên tòa anh chị vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vi phạm quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; 72; 73 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Về án phí: Buộc chị Trịnh Thị M, anh Lê Khắc Dương L nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngân hàng S Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Krông Nô khởi kiện chị Trịnh Thị M phải thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 660000071462971 ngày 06/12/2018. Vì vậy, đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bị đơn chị Trịnh Thị M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Khắc Dương L cư trú tại thôn H, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyên Krông Nô theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2] Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho chị Trịnh Thị M, anh Lê Khắc Dương L. Tại Biên bản xác minh của Công an xã Đ thể hiện, chị M, anh L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã Đ, huyện K. Tuy nhiên hiện nay chị M, anh L vắng mặt tại địa phương, anh chị không thay đổi nơi cư trú, không thông báo tạm vắng tại địa phương, không thông báo địa chỉ nơi cư trú mới cho Ngân hàng, vì vậy chính quyền địa phương cũng như Ngân hàng không xác định được nơi sinh sống và làm việc hiện nay của chị M, anh L.

Khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 NQ số: 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định:

Khoản 2 Điều 5: "*Người khởi kiện đã cung cấp địa chỉ "nơi cư trú, làm việc, hoặc nơi có trụ sở" của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này tại thời điểm nộp đơn khởi kiện mà được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh rằng đó là địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì được coi là đã ghi đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.*"

Điều 6:

"2. *Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tống đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:*

a) *Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi*

cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;"

Theo tài liệu chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp thể hiện, người trực tiếp vay tiền và ký kết hợp đồng tín dụng là chị Trịnh Thị M. Hộ chị M vay vốn theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường, theo Giấy ủy quyền ngày 30/11/2018 thì anh Lê Khắc Dương L ủy quyền cho chị M thực hiện việc vay tiền và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng chính sách xã hội theo quy định trước sự chứng kiến của Trưởng thôn, vì vậy anh L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và có trách nhiệm liên đới cùng chị M thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Từ các phân tích và dẫn chiếu quy định của pháp luật trên thì xác định được chị M, anh L là người có nghĩa vụ đối với Ngân hàng, nhưng anh chị không thực hiện nghĩa vụ theo đúng nội dung thỏa thuận của hai bên, hiện nay anh chị vắng mặt tại địa phương, không thông báo tạm vắng cho chính quyền địa phương, cũng không thông báo địa chỉ mới cho Ngân hàng, vì vậy chị M, anh L cố tình giấu địa chỉ. Tòa án nhân dân huyện Krông Nô thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa chị Trịnh Thị M, anh Lê Khắc Dương L vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung Hợp đồng tín dụng:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 660000071462971 ngày 06/12/2018 (Hợp đồng thể hiện tại Sổ vay vốn và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay), đã xác định được Ngân hàng S Việt Nam- PGD Krông Nô đã ký kết hợp đồng tín dụng với chị Trịnh Thị M. Hai bên thỏa thuận số tiền vay là 20.000.000 đồng theo chương trình cho vay nước sạch vệ sinh môi trường, thời hạn vay 59 tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng/ lần với số tiền là 2.000.000 đồng, lãi suất là 9%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 06/11/2023.

Trong quá trình vay hộ chị Trịnh Thị M chỉ thanh toán được chỉ thanh toán được số tiền lãi là 4.235.934 đồng, số tiền lãi phát sinh chưa thanh toán là 3.467.080 đồng và không thanh toán được khoản tiền gốc nào. Tính đến ngày xét xử, ngày 17/3/2023, hộ chị Trịnh Thị M còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền 23.467.080 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng, lãi trong hạn là 3.467.080 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa bên cho vay là Ngân hàng S Việt Nam – PGD Krông Nô và bên vay là chị Trịnh Thị M. Hợp đồng tín dụng đã thể hiện rõ về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, trả nợ gốc và lãi vốn vay, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay; bên vay… đúng theo quy đinh tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13;

Điều 16; Điều 17; Điều 24; Điều 25 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng *(Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước).*

[3] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc, tiền lãi trong hạn:

[3.1] Theo Hợp đồng tín dụng số 660000071462971 ngày 06/12/2018 (Hợp đồng thể hiện tại Sổ vay vốn và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay) thì hộ chị M vay số tiền là 20.000.000 đồng với thời hạn vay là 59 tháng, thời điểm trả nợ cuối cùng là ngày 06/11/2023. Số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng.

[3.2] Tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đề ngày 30/11/2018, khoản 3 phần phê duyệt của Ngân hàng thể hiện lãi suất cho vay là 9%/năm. Trong quá trình vay chị M chỉ thanh toán được số tiền lãi là 4.235.934 đồng. Số tiền lãi trong hạn từ ngày 06/12/2018 đến ngày 17/3/2023: 20.000.000 đồng x 9%/năm x 1562 ngày = 7.703.014 đồng. Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán là: 7.703.014 đồng – 4.235.943 đồng = 3.467.080 đồng;

Vì vậy yêu cầu của Ngân hàng S Việt Nam đối với số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận vì vậy chị Trịnh Thị M, anh Lê Khắc Dương L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 235; khoản 2 Điều 244; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S Việt Nam.

Buộc chị Trịnh Thị M, anh Lê Khắc Dương L phải thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tổng số tiền 23.467.080 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng; Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán là 3.467.080 đồng;

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), chị Trịnh Thị M, anh Lê Khắc Dương L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng 660000071462971 ngày 06/12/2018 (Hợp đồng thể hiện tại Sổ vay vốn và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay **)** cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[2] *Về án phí dâu sự sơ thẩm:* Buộc chị Trịnh Thị M, anh Lê Khắc Dương L phải nộp 1.173.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đựơc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS H.Krông Nô;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Tím